

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2025
V/v huỷ kết hôn trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Công Ó

Bà Lê Thị Bồng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Khánh Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Sa Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc huỷ kết hôn trái pháp luật theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sòng Thị K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Bản KB, xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Giàng A T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Bản KB, xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 04/QĐ-TA ngày 18/12/2023 của Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Bản KB, xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bàn Văn Châu – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. *Người phiên dịch:* Ông Lò Như Hoa. Địa chỉ: bản Giáo, xã Huy Tân, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 13/12/2025 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Sông Thị K trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sông Thị K và anh Giàng A T chung sống kết hôn với nhau năm 2001, do thời gian kết hôn đã lâu chị không nhớ rõ ngày, tháng kết hôn, đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Thời điểm kết hôn anh Giàng A T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng vì thiếu hiểu biết pháp luật nên anh, chị đã đi đăng ký kết hôn. Sau đó, chị Sông Thị K và anh Giàng A T được UBND xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Giàng A T nghiện ma túy không chăm lo cuộc sống gia đình và đã bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 20 tháng. Vợ chồng chị Sông Thị K đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Sông Thị K yêu cầu Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật với anh Giàng A T.

Về con chung: Có 03 con chung. Cháu thứ nhất tên là Giàng Thị S, sinh ngày 05/02/2002; cháu thứ hai tên là Giàng A C, sinh ngày 09/10/2005; cháu thứ ba tên là Giàng Thị L, sinh ngày 08/01/2007. Các cháu Giàng Thị S và Giàng A C đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, đều đã lập gia đình riêng; không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Khi huỷ việc kết hôn trái pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án chị Sông Thị K yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Thị L đến khi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu anh Giàng A T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa xét xử, cháu Giàng Thị L đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động nên chị Sông Thị K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: chị và anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: chị và anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Sông Thị K tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Bản tự khai ghi ngày 16/12/2024 và đơn xin vắng mặt tại phiên toà ngày 03/01/2025 có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, anh Giàng A T trình bày:

Về quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh hoàn toàn nhất trí như ý kiến của chị Sông Thị K trình bày. Vợ chồng anh chị chung sống với nhau từ năm 2001 và đến UBND xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đăng ký kết hôn, do thời gian đã L anh không nhớ rõ ngày, tháng đăng ký kết hôn. Khi hai anh chị kết hôn, anh mới đủ 17 tuổi, do thiếu hiểu biết pháp luật nên vẫn đi đăng ký. Nay anh Giàng A T đồng ý huỷ kết hôn trái pháp luật với chị Sông Thị K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh xác định có 03 con chung như chị Sông Thị K trình bày. Anh đồng ý giao cháu Giàng Thị L cho chị Sông Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu khi cháu chưa thành niên.

Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Ông Bàn Văn Châu, Chủ tịch UBND xã KB là người đại diện theo pháp luật, có ý kiến như sau:

Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn (quyển số 01/2001), UBND xã KB đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/2001, ngày 14/02/2001 cho chị Sông Thị K và anh Giàng A T. UBND xã KB nhận thấy tại thời điểm cấp giấy chứng nhận kết hôn, anh Giàng A T được 17 tuổi 05 tháng 11 ngày (sinh ngày 03/9/1983). Do sơ suất UBND xã KB đã đăng ký kết hôn cho chị Sông Thị K và anh Giàng A T khi anh Giàng A T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Vì vậy, UBND xã KB đề nghị Toà án huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Sông Thị K và anh Giàng A T.

Do nguyên đơn chị Sông Thị K có yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Giàng A T. Căn cứ khoản 2 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án không tiến hành hoà giải về yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật mà tiến hành hoà giải về con chung, án phí và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn, sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm về vụ án, xác nhận quan hệ hôn nhân và con chung, bị đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 8; Điều 11; Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Sông Thị K và anh Giàng A T. Về con chung: 03 con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Sông Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Sông Thị K khởi kiện yêu cầu giải quyết huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Do đó, quan hệ pháp luật là “Huỷ kết hôn trái pháp luật” theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Giàng A T cư trú tại bản KB, xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

[2] Bị đơn Giàng A T có đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Giàng A T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Sông Thị K và anh Giàng A T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KB vào ngày 14/02/2001. Căn cứ vào những chứng cứ thu thập được như bản tự khai, căn cước công dân, giấy xác nhận nơi cư trú thấy rằng anh Giàng A T, sinh ngày 03/9/1983.

Ngày 14/02/2001, chị Sông Thị K đăng ký kết hôn với anh Giàng A T thì anh Giàng A T được 17 tuổi 05 tháng 11 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Giàng A T nghiện ma túy không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

Nay chị Sông Thị K yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật với anh Giàng A T. Căn cứ theo khoản 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Sông Thị K và anh Giàng A T.

[4] Về con chung: Chị Sông Thị K và anh Giàng A T có 03 con chung, cháu thứ nhất tên là Giàng Thị S, sinh ngày 05/02/2002; cháu thứ hai tên là Giàng A C, sinh ngày 09/10/2005; cháu thứ ba tên là Giàng Thị L, sinh ngày 08/01/2007. Trong quá trình giải quyết, cháu Giàng Thị S và Giàng A C đã trưởng thành chị Sông Thị K không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, chỉ yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Thị L đến khi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu anh Giàng A T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, đến ngày xét xử cháu Giàng Thị L đã thành niên và có khả năng lao động, chị Sông Thị K không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận, phân chia, thanh toán không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Sông Thị K đề nghị chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Sông Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Sông Thị K đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23/0000595 ngày 13/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 8; Điều 11; Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Sòng Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Sòng Thị K và anh Giàng A T theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2001, ngày 14/02/2001 của Ủy ban nhân dân xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

2. Về con chung: Có 03 con chung là Giàng Thị S, sinh ngày 05/02/2002; Giàng A C, sinh ngày 09/10/2005; Giàng Thị L, sinh ngày 08/01/2007. Hiện các cháu đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Sòng Thị K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Sòng Thị K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số BLTU/23/0000595 ngày 13 tháng 12 năm 2024.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/01/2025). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La ;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã KB, huyện Phù Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Đức